

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG VAY TÀI SẢN

Số:/...../HD-VTS

- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự số: 33/2015/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên;

Trên cơ sở tự nguyện, sau khi bàn bạc, các bên thống nhất ký kết Hợp đồng vay tài sản (Sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) với các điều khoản và điều kiện sau đây:

Hôm nay, tháng năm, tại....., chúng tôi gồm:

BÊN CHO VAY:

Ông/Bà: Ngày sinh:

Căn cước công dân số:

Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú tại:

Chỗ ở hiện tại:
(Sau đây gọi là “Bên A”)

BÊN VAY:

Ông/Bà: Ngày sinh:

Căn cước công dân số:

Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú tại:

Chỗ ở hiện tại:
(Sau đây gọi là “Bên B”)

Hai bên tự nguyện cùng nhau lập và ký Hợp đồng này để thực hiện việc vay tài sản theo các thỏa thuận sau đây:

ĐIỀU 1: TÀI SẢN VAY, MỤC ĐÍCH VAY VÀ PHƯƠNG THỨC VAY

1.1. Tài sản vay:

- a. Bên A là chủ sở hữu số tiền: (Bằng chữ:).
- b. Bên A đồng ý cho vay và Bên B đồng ý vay toàn bộ số tiền nêu trên.

1.2. Mục đích vay:

Bên B sử dụng số tiền vay trên để

1.3. Phương thức cho vay:

Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, Bên A có trách nhiệm giao tiền cho Bên B vay bằng hình thức bàn giao tiền mặt số tiền theo quy định tại Khoản 1, Điều này.

ĐIỀU 2: THỜI HẠN VAY VÀ LÃI SUẤT

2.1. Thời hạn vay:

- a. Thời hạn vay nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là năm. Thời hạn vay được tính từ thời điểm Bên B nhận được số tiền vay.

- b. Thời hạn vay có thể được gia hạn thêm nếu hai bên có thỏa thuận. Trường hợp bên B có nhu cầu gia hạn thì trong thời hạn 30 (*Ba mươi*) ngày trước thời điểm hết hạn Hợp đồng thì Bên B phải thông báo bằng văn bản với Bên A.

2.2. Lãi suất cho vay:

- a. Bên A đồng ý cho Bên B vay số tiền tại Khoản 1.1, Điều 1 với lãi suất cho vay là:%/năm (*..... phần trăm trên một năm*).
- b. Lãi suất cho vay trên không thay đổi trong suốt thời hạn vay quy định tại khoản 2.1 của Điều này

ĐIỀU 3: THANH TOÁN TIỀN GỐC VÀ LÃI VAY

- 3.1. Bên A yêu cầu và Bên B đồng ý: hết thời hạn vay, Bên B có nghĩa vụ phải trả cả tiền nợ gốc và tiền lãi cho Bên A;
- 3.2. Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến thuế thu nhập cá nhân (nếu có) của Bên A thì Bên B sẽ trừ vào tiền của Bên A khi thanh lý Hợp đồng. Bên B có trách nhiệm ứng nộp trước các khoản tiền này cho cơ quan thuế theo đúng quy định.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

4.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

4.1.1. Bên A có các quyền sau đây:

- a. Yêu cầu Bên B thanh toán tiền gốc và tiền lãi vay theo điều kiện thỏa thuận tại Hợp đồng này;
- b. Kiểm tra việc sử dụng tài sản vay và có quyền đòi lại tài sản vay trước thời hạn, nếu đã nhắc nhở mà bên vay vẫn sử dụng tài sản trái mục đích;
- c. Được dùng Hợp đồng cho vay này để cầm cố, thế chấp và thực hiện các giao dịch dân sự có bảo đảm khác trên cơ sở có sự đồng ý bằng văn bản của Bên B.

4.1.2. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- a. Chuyển giao tài sản cho vay cho Bên B theo đúng thời hạn ghi trong Hợp đồng này;
- b. Không được yêu cầu Bên B trả lại tài sản vay trước thời hạn, trừ trường hợp được Bên B đồng ý hoặc theo quy định của pháp luật.
- c. Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp và nguồn gốc của tài sản vay trên;
- d. Đảm bảo bí mật thông tin theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng này.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

4.2.1. Bên B có các quyền sau đây:

- a. Yêu cầu Bên A chuyển tiền cho vay theo đúng thời hạn thỏa thuận trong Hợp đồng;
- b. Được sử dụng tài sản vay theo đúng mục đích đã thỏa thuận trong Hợp đồng này;
- c. Có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho Bên A một khoảng thời gian hợp lý theo quy định tại Điểm e, khoản 4.2.2. của Điều này.

4.2.2. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- a. Đảm bảo sử dụng tiền vay đúng mục đích theo quy định của Hợp đồng này;
- b. Đảm bảo huy động các nguồn vốn hợp pháp của mình để trả nợ đầy đủ, đúng hạn theo Hợp đồng này;
- c. Trả đủ số tiền khi hết thời hạn vay;
- d. Không được cho Bên thứ ba vay lại, nếu không có sự đồng ý của Bên A;

- e. Trường hợp Bên B muốn trả tiền vay trước thời hạn thì phải báo trước cho Bên A trước 30 (ba mươi) ngày.

ĐIỀU 5: CAM KẾT VÀ ĐẢM BẢO:

Bên A và Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những cam đoan sau:

1. Bên A cam đoan:

- a. Những thông tin về nhân thân, về tài sản cho vay đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- b. Tài sản cho vay thuộc trường hợp được cho vay tài sản theo quy định của pháp luật;
- c. Tài sản cho vay thuộc sở hữu hợp pháp của Bên A;
- d. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:
 - + Tài sản cho vay nói trên không có tranh chấp;
 - + Tài sản cho vay nói trên không bị kê biên để bảo đảm thi hành án và không bị cơ quan Tài sản nước có thẩm quyền xem xét, xử lý theo pháp luật;
 - + Tài sản cho vay nói trên không tham gia và thực hiện bất cứ một nghĩa vụ và bất kỳ giao dịch nào khác như thế chấp, bảo lãnh, mua bán, tặng cho, trao đổi, góp vốn vào doanh nghiệp...

2. Bên B cam đoan:

- a. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- b. Đã xem xét kỹ, biết rõ về tài sản cho vay nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này;
- c. Bên B cam đoan trả đầy đủ số tiền đã vay cho Bên A theo đúng thời hạn đã quy định. Trường hợp hết thời hạn vay quy định tại Điều 2 mà Bên B không trả được nợ thì Bên B sẽ tiến hành dùng toàn bộ tài sản và 02 (hai) căn hộ đã mua được nêu tại Điều 1 Hợp đồng này để bàn giao cho Bên A xử lý thu hồi nợ.

3. Hai bên cùng cam đoan:

- a. Hai bên cam đoan việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ tài sản nào cũng như để thực hiện bất kỳ một mục đích nào gây ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của người khác;
- b. Hai bên cam đoan thực hiện đúng và đầy đủ những thỏa thuận ghi trong Hợp đồng này, nếu bên nào vi phạm thì phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bên kia hoặc người thứ ba (nếu có).

ĐIỀU 6: SỰ KIẾN BẤT KHẢ KHÁNG

- 6.1. Là tất cả các tình huống và sự kiện vượt ra ngoài khả năng kiểm soát của mỗi Bên hoặc cả hai Bên bao gồm: thiên tai, chiến tranh, lũ lụt, hỏa hoạn, động đất,... ; hay các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, làm ảnh hưởng tới việc không thể thực hiện được các nghĩa vụ của mình theo quy định của Hợp đồng này.
- 6.2. Trong phạm vi mà một sự kiện bất khả kháng ngăn cản một cách trực tiếp hoặc gián tiếp việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của một bên theo Hợp đồng này thì những nghĩa vụ đó sẽ được hoãn thực hiện. Và trong phạm vi đó, Bên đó sẽ không phải chịu trách nhiệm về bất cứ hậu quả nào của việc trì hoãn, thiệt hại hoặc tổn thất liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng. Việc này sẽ phụ thuộc vào việc bên bị ảnh hưởng tiến hành các biện pháp hợp lý để khắc phục hoặc ngăn chặn sự kiện bất khả kháng, thông báo ngay lập tức cho bên kia

khi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Và trong khoảng 15 (*Mười lăm*) ngày gửi thông báo bằng văn bản tới bên kia cùng với các chi tiết ngắn gọn về sự kiện bất khả kháng và các biện pháp đã được tiến hành để khắc phục sự cố trên.

- 6.3.** Các Bên thỏa thuận rằng cả hai bên sẽ tiến hành các biện pháp phù Hợp để ngăn chặn hoặc khắc phục hậu quả của sự kiện bất khả kháng.

ĐIỀU 7: BÍ MẬT THÔNG TIN

7.1. Mỗi Bên tham gia Hợp đồng này có nghĩa vụ giữ bí mật mọi thông tin về Hợp đồng này và thông tin và mình được Bên kia cung cấp, ngoại trừ trong các trường hợp sau:

- a.** Việc tiết lộ thông tin là theo yêu cầu Hợp pháp của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc;
- b.** Thông tin được tiết lộ là thông tin công khai.

7.2. Thông báo công khai:

Mỗi Bên đồng ý rằng sẽ không tiến hành công bố công khai bất kỳ sự thảo luận nào liên quan tới Hợp đồng này hoặc bất kỳ thông tin liên quan nào dưới bất kỳ hình thức nào mà không có sự thảo luận và chấp nhận trước bằng văn bản của bên kia;

7.3. Hiệu lực bảo mật:

Nghĩa vụ này phải được các bên duy trì trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng, sau khi Hợp đồng đã hoàn thành và cả trong trường hợp Hợp đồng này không được giao kết hoặc bị chấm dứt, hủy bỏ.

ĐIỀU 8: PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

8.1. Bên nào vi phạm Hợp đồng thì bên còn lại có quyền gửi thông báo bằng văn bản đến Bên vi phạm mô tả phạm vi, tính chất của vi phạm và yêu cầu Bên vi phạm khắc phục vi phạm với chi phí của bên vi phạm trong thời hạn là 15 (*mười lăm*) ngày. Nếu sau thời hạn trên mà Bên vi phạm không khắc phục xong thì bị xem là vi phạm Hợp đồng. Khi đó, hành vi vi phạm sẽ được xem là căn cứ để bên vi phạm đơn phương chấm dứt Hợp đồng, yêu cầu bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm Hợp đồng.

8.2. Bên B phải đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Bên A theo đúng thời hạn quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này. Nếu Bên B chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì phải chịu phạt lãi quá hạn bằng ...% số tiền chậm trả đối với mỗi ngày chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

8.3. Hợp đồng chấm dứt trước thời hạn theo quy định tại Điểm e, khoản 4.2.2, Điều 4 và Khoản 9.6, Điều 9 của Hợp đồng này thì Bên B phải chịu lãi suất ...%/năm (... *phần trăm trên một năm*) phát sinh từ tài sản vay quy định tại Điều 1, lãi suất này được áp dụng để tính từ thời điểm Hợp đồng chấm dứt trước thời hạn tới thời điểm hết thời hạn vay quy định tại Điều 2 Hợp đồng này.

8.4. Trường hợp Bên B vi phạm nghĩa vụ báo trước tại Điểm e, khoản 4.2.2, Điều 4 của Hợp đồng này thì phải chịu mức phạt là: đồng.

8.5. Mức phạt vi phạm Hợp đồng đối với bất kỳ hành vi vi phạm nào của bên vi phạm là ...% tổng giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm. Bên vi phạm có nghĩa vụ thanh toán cho Bên bị vi phạm mức phạt nói trên trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày xảy ra vi phạm Hợp đồng.

Ngoài ra, Bên bị vi phạm có quyền đòi Bên vi phạm bồi thường những thiệt hại thực tế phát sinh bởi việc vi phạm Hợp đồng gây ra. Tất cả các thiệt hại thực tế của Bên bị vi phạm sẽ được tính toán trên cơ sở giá thị trường tại thời điểm xảy ra vi phạm.

ĐIỀU 9: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

- 9.1.** Hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng này;
- 9.2.** Khi hết thời hạn vay mà hai bên không có thỏa thuận gia hạn;
- 9.3.** Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- 9.4.** Khi Hợp đồng này được thay thế bằng một thỏa thuận khác giữa các bên;
- 9.5.** Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng khiến cho các bên không thể tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng;
- 9.6.** Bên kia vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào mà vi phạm đó là căn cứ để bên bị vi phạm đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Hợp đồng này.

ĐIỀU 10: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 10.1.** Mọi tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng này trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải giữa các bên dựa trên tinh thần hợp tác, thiện chí.
- 10.2.** Trong trường hợp thương lượng, hòa giải không đạt kết quả thì tranh chấp sẽ được các bên gửi đến Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại giải quyết theo quy định của pháp luật. Bên thua kiện có trách nhiệm chi trả toàn bộ chi phí liên quan đến pháp lý.

Hợp đồng này gồm 05 (Năm) trang, được lập thành 02 (Hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (Một) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

KHOA TIN

LAW FIRM

ĐẠI DIỆN BÊN B

